

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 01 (Giảng đường YGDA102)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI001	Nguyễn Thị An	25/10/1992	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
2	CKI002	Nguyễn Thị Hoài An	28/09/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
3	CKI003	Kim Thị Lan Anh	08/09/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI004	La Thị Ngọc Anh	02/10/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
5	CKI005	Lê Kim Anh	12/12/1976	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
6	CKI006	Nguyễn Tuấn Anh	08/11/1989	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
7	CKI007	Nguyễn Tuấn Anh	04/01/1996	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
8	CKI008	Phạm Thị Vân Anh	05/10/2000	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
9	CKI009	Lưu Thị Ánh	08/07/1986	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
10	CKI010	Trần Thị Ánh	16/05/1992	Nhi khoa	Nhi khoa			
11	CKI011	Trần Xuân Bách	15/10/1992	Nội khoa	Nội khoa			
12	CKI012	Nguyễn Thế Bắc	04/10/1992	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
13	CKI013	Trần Thị Bằng	24/02/1981	Nhãn khoa	Nhãn khoa			
14	CKI014	Nguyễn Thị Bích	20/04/1994	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
15	CKI015	Đàm Thị Biên	06/10/1990	Nội khoa	Nội khoa			
16	CKI016	Nguyễn Thị Biên	12/08/1976	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
17	CKI017	Nguyễn Văn Bình	10/09/1991	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
18	CKI018	Lê Đình Bình	17/05/1983	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
19	CKI019	Nguyễn Bính	05/07/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
20	CKI020	Cao Thị Châm	10/04/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
21	CKI021	Đặng Hồng Châm	15/11/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
22	CKI022	Nguyễn Tô Quỳnh Châu	01/06/1997	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
23	CKI023	Giáp Thị Kim Chi	07/10/1994	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
24	CKI024	Lê Văn Chiến	06/03/1978	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
25	CKI025	Hoàng Ngọc Phương Chinh	22/11/1995	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
26	CKI026	Nguyễn Thị Chinh	15/03/1989	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
27	CKI027	Hoàng Văn Chinh	30/12/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
28	CKI028	Tô Thị Chuyển	23/03/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI029	Lương Thị Kim Cúc	07/12/1989	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
30	CKI030	Tạ Văn Cường	07/10/1992	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
31	CKI031	Dương Việt Cường	09/03/1991	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 02 (Giảng đường YGDA103)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI032	Lê Kim Cường	22/09/1989	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
2	CKI033	Lã Văn Dân	02/10/1996	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
3	CKI034	Nguyễn Ngọc Diễm	26/11/1992	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
4	CKI035	Lãnh Thu Diệu	19/05/1991	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
5	CKI036	Nguyễn Thị Kim Dung	26/12/1989	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
6	CKI037	Nguyễn Quang Duy	03/08/1994	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
7	CKI038	Phan Huy Khương Duy	27/12/1987	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
8	CKI039	Phạm Khánh Duyên	29/12/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI040	Vũ Thị Mỹ Duyên	11/03/1993	Nhân khoa	Nhân khoa			
10	CKI041	Nguyễn Hồng Dương	20/03/1994	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
11	CKI042	Nguyễn Trí Dương	02/07/1971	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
12	CKI043	Nhâm Văn Đà	02/03/1982	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
13	CKI044	Triệu Văn Đại	07/09/1988	Y học gia đình	Nội khoa_YHGĐ			
14	CKI045	Lê Tiến Đạt	10/08/1991	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
15	CKI046	Ngô Việt Đạt	19/07/1998	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
16	CKI047	Triệu Xuân Đề	28/07/1990	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
17	CKI048	Đào Anh Đoàn	21/05/1985	Nhân khoa	Nhân khoa			
18	CKI049	Nguyễn Tiến Đoàn	21/10/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
19	CKI050	Bùi Văn Đông	16/08/1993	Ung thư	Ung thư			
20	CKI051	Nguyễn Tiến Đồng	02/12/1989	Ung thư	Ung thư			
21	CKI052	Đỗ Việt Đức	13/06/1987	Nội khoa	Nội khoa			
22	CKI053	Nguyễn Văn Đức	10/02/1988	Nhân khoa	Nhân khoa			
23	CKI054	Trịnh Thị Đức	15/08/1992	Y tế công cộng	Y tế công cộng			
24	CKI055	Hà Thị Giang	10/02/1995	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
25	CKI056	Nguyễn Lê Thọ Giang	19/05/1997	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
26	CKI057	Trần Thị Giang	21/05/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
27	CKI058	Triệu Thị Giang	15/01/1993	Nội khoa	Nội khoa			
28	CKI059	Vì Thị Giang	26/06/1992	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
29	CKI060	Nguyễn Văn Giáp	03/09/1986	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
30	CKI061	Liêu Hoàng Hà	25/11/1983	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
31	CKI062	Lương Thị Thanh Hà	12/11/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 03 (Giảng đường YGDA104)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI063	Nguyễn Thị Bích Hà	01/11/1984	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
2	CKI064	Nguyễn Thị Thu Hà	01/09/1971	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
3	CKI065	Nguyễn Thị Thuý Hà	24/11/1983	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI066	Trần Thị Vân Hà	25/10/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
5	CKI067	Nguyễn Thị Minh Hải	03/11/1976	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
6	CKI068	Doãn Đức Hải	23/05/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
7	CKI069	Đào Trọng Hải	16/09/1991	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
8	CKI070	Lò Văn Hải	15/05/1985	Tâm thần	Tâm thần			
9	CKI071	Nguyễn Thị Hải	07/07/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
10	CKI072	Quảng Văn Hải	08/03/1994	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
11	CKI073	Trần Minh Hải	24/11/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
12	CKI074	Lê Xuân Hào	18/10/1995	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
13	CKI075	Nguyễn Thị Hào	20/10/1988	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
14	CKI076	Thân Quang Hào	24/04/1986	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
15	CKI077	Đỗ Thị Thanh Hằng	05/08/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
16	CKI078	Lương Thị Thu Hằng	29/08/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
17	CKI079	Nguyễn Thị Hằng	27/12/1992	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
18	CKI080	Nguyễn Thị Hằng	14/03/1992	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
19	CKI081	Nguyễn Thị Châu Hằng	26/08/1993	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
20	CKI082	Hoàng Thị Hân	12/03/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
21	CKI083	Lê Bích Hậu	16/08/1998	Sân phụ khoa	Sân phụ khoa			
22	CKI084	Nguyễn Duy Hậu	09/10/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
23	CKI085	Dương Thị Hiền	15/02/1998	Nhân khoa	Nhân khoa			
24	CKI086	Lý Thái Hiền	30/07/1993	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
25	CKI087	Nguyễn Thị Hiền	01/06/1993	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
26	CKI088	Nguyễn Thị Hiền	15/09/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
27	CKI089	Nguyễn Thị Hiền	21/03/1991	Tâm thần	Tâm thần			
28	CKI090	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/06/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI091	Nguyễn Thị Hiền	26/05/1974	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
30	CKI092	Nguyễn Tiến Hiền	28/08/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
31	CKI093	Nguyễn Quang Hiếu	30/10/1983	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 04 (Giảng đường YGDA205)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI094	Nguyễn Văn Hiếu	22/05/1989	Tâm thần	Tâm thần			
2	CKI095	Triệu Sinh Hiếu	26/06/1996	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
3	CKI096	Bùi Thị Hoa	29/01/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI097	Bùi Thị Thanh Hoa	05/01/1984	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
5	CKI098	Cư Seo Hòa	15/07/1980	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
6	CKI099	Lê Trung Hòa	27/05/1994	Tâm thần	Tâm thần			
7	CKI100	Lê Văn Hòa	03/08/1992	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
8	CKI101	Mùi Thị Bích Hòa	17/07/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI102	Nguyễn Thị Mai Hòa	27/07/1975	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
10	CKI103	Vương Nhân Hòa	28/03/1993	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
11	CKI104	Lê Xuân Hoan	29/08/1995	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
12	CKI105	Nông Thị Hoan	17/06/1988	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
13	CKI106	Ma Thị Hoàn	28/12/1993	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
14	CKI107	Phan Thị Thanh Hoàn	20/06/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
15	CKI108	Trần Thị Hoàn	29/09/1997	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
16	CKI109	Đặng Kim Hoàng	20/11/1994	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
17	CKI110	Nguyễn Minh Hoàng	03/05/2002	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
18	CKI111	Phạm Huy Hoàng	21/08/2000	Ung thư	Ung thư			
19	CKI112	Vũ Huy Hoàng	13/09/1987	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
20	CKI113	Nguyễn Thị Hồng	26/03/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
21	CKI114	Nguyễn Thị Hồng Hoi	12/03/1979	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
22	CKI115	Nguyễn Đình Huân	19/08/1990	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
23	CKI116	Nguyễn Minh Huệ	28/11/1998	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
24	CKI117	Đàm Văn Hùng	25/11/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
25	CKI118	Hoàng Việt Hùng	22/10/1982	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
26	CKI119	Lê Văn Hùng	08/07/1991	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
27	CKI120	Hoàng Xuân Huy	21/05/1983	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
28	CKI121	Hạ Thị Thanh Huyền	03/10/1994	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
29	CKI122	Hoàng Thu Huyền	12/04/1993	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
30	CKI123	Lê Thị Thu Huyền	06/12/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
31	CKI124	Nguyễn Thị Huyền	08/04/1990	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

Buổi thi:

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 05 (Giảng đường YGDA206)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI125	Nguyễn Thị Huyền	04/11/1982	Nội khoa	Nội khoa			
2	CKI126	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/04/1983	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
3	CKI127	Vũ Thị Huyền	10/02/1989	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
4	CKI128	Lý Văn Hưng	17/06/1996	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
5	CKI129	Chu Thị Thu Hương	05/02/1985	Tâm thần	Tâm thần			
6	CKI130	Doãn Thanh Hương	15/03/1990	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
7	CKI131	Khuất Thị Hương	20/06/1988	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
8	CKI132	Mẫn Thị Thu Hương	28/11/1975	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI133	Nguyễn Thị Hương	02/05/1995	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
10	CKI134	Nguyễn Thị Hương	07/03/1982	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
11	CKI135	Nguyễn Thị Lan Hương	13/09/1979	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
12	CKI136	Nguyễn Thị Thu Hương	24/07/1988	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
13	CKI137	Phúc Thị Lan Hương	01/12/1983	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
14	CKI138	Tô Thị Việt Hương	08/08/1991	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
15	CKI139	Trần Thị Hương	15/04/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
16	CKI140	Trần Thu Hương	29/11/1990	Nhi khoa	Nhi khoa			
17	CKI141	Triệu Thị Lan Hương	25/11/1984	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
18	CKI142	Vương Thu Hương	04/11/1994	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
19	CKI143	Hồ Thị Hương	09/04/1990	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
20	CKI144	Ma Thị Hương	22/04/1986	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
21	CKI145	Phương Văn Hương	10/04/1987	Nội khoa	Nội khoa			
22	CKI146	Doãn Ngọc Khánh	08/02/1994	Nhãn khoa	Nhãn khoa			
23	CKI147	Trần Văn Khánh	26/10/1978	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
24	CKI148	Nguyễn Chung Kiên	20/08/1988	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
25	CKI149	Nguyễn Thị Hồng Kiên	17/03/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
26	CKI150	Trương Thị Lã	12/02/1996	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
27	CKI151	Hồ Thị Lan	10/01/1989	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
28	CKI152	Nguyễn Thị Lan	25/05/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI153	Nguyễn Thị Ngọc Lan	01/02/1976	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
30	CKI154	Nguyễn Thị Phong Lan	20/03/1978	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
31	CKI155	Phạm Ngọc Lan	04/11/1997	Nội khoa	Nội khoa			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 06 (Giảng đường YGDA207)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI156	Phùng Thị Ngọc Lan	30/09/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
2	CKI157	Đặng Tiến Lâm	20/10/1984	Nội khoa	Nội khoa			
3	CKI158	Phạm Thị Lê	29/03/1988	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI159	Nguyễn Thị Liên	08/08/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
5	CKI160	Nguyễn Thị Liên	10/05/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
6	CKI161	Doanh Thị Linh	04/11/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
7	CKI162	Nguyễn Thị Diệu Linh	26/08/1998	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
8	CKI163	Nguyễn Thị Hà Linh	29/12/1994	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
9	CKI164	Nguyễn Thị Hoàng Linh	25/08/1998	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
10	CKI165	Đặng Thị Loan	08/05/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
11	CKI166	Hoàng Thị Loan	15/03/1995	Tâm thần	Tâm thần			
12	CKI167	Đỗ Văn Long	11/09/1981	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
13	CKI168	Phan Duy Long	04/10/1991	Y tế công cộng	Y tế công cộng			
14	CKI169	Vì Đức Long	27/02/1989	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
15	CKI170	Vũ Hải Long	24/03/1998	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
16	CKI171	Trịnh Thị Lộc	10/12/1996	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
17	CKI172	Mã Thành Luân	17/09/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
18	CKI173	Đỗ Hồng Lữ	26/08/1993	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
19	CKI174	Phạm Văn Lương	08/02/1983	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
20	CKI175	Đặng Quang Lượng	18/02/1987	Nội khoa	Nội khoa			
21	CKI176	Chu Thị Ly	28/05/1985	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
22	CKI177	Nguyễn Hồng Hải Ly Ly	27/04/1999	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
23	CKI178	Lê Thị Lý	01/09/1966	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
24	CKI179	Lê Thị Lý	15/03/1983	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
25	CKI180	Triệu Thị Lý	16/09/1999	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
26	CKI181	Cà Thanh Mai	18/01/1987	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
27	CKI182	Giáp Thị Mai	08/10/1990	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
28	CKI183	Lê Thị Thanh Mai	27/05/2000	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
29	CKI184	Nguyễn Thị Mai	14/07/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
30	CKI185	Vì Thị Ngọc Mai	26/02/1990	Tâm thần	Tâm thần			
31	CKI186	Vũ Thị Tuyết Mai	06/10/1979	Điều dưỡng	Điều dưỡng			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 07 (Giảng đường YGDA208)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI187	Vũ Đức Mạnh	29/01/1974	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
2	CKI188	Cầm Ngọc Minh	05/09/1997	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
3	CKI189	Đỗ Thị Minh	20/11/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI190	Lò Văn Minh	17/07/1992	Tâm thần	Tâm thần			
5	CKI191	Nguyễn Anh Minh	31/12/1986	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
6	CKI192	Nguyễn Thị Minh	23/05/1976	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
7	CKI193	Nguyễn Thị Ánh Minh	15/02/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
8	CKI194	Trần Thị Mơ	20/06/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI195	Thào A Mua	20/02/1990	Tâm thần	Tâm thần			
10	CKI196	Trần Ngọc Mỹ	01/06/1970	Nội khoa	Nội khoa			
11	CKI197	Đặng Hải Nam	15/12/1994	Nhi khoa	Nhi khoa			
12	CKI198	Vũ Duy Nam	23/02/1982	Nhân khoa	Nhân khoa			
13	CKI199	Nguyễn Thị Nga	27/05/1990	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
14	CKI200	Phùng Thị Nga	11/11/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
15	CKI201	Nguyễn Thanh Nga	15/10/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
16	CKI202	Bùi Thị Ngân	02/09/1998	Nhân khoa	Nhân khoa			
17	CKI203	Đỗ Thị Kim Ngân	20/11/1990	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
18	CKI204	Nguyễn Hoa Ngân	08/04/1978	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
19	CKI205	Hoàng Hải Ngọc	05/10/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
20	CKI206	Lưu Thị Ngọc	28/09/1979	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
21	CKI207	Hoàng Đình Nguyên	12/06/1993	Nội khoa	Nội khoa			
22	CKI208	Đồng Thị Bích Nguyệt	25/01/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
23	CKI209	Hoàng Văn Ngự	19/02/1978	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
24	CKI210	Lê Thị Nhài	06/03/1997	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
25	CKI211	Trần Thị Hương Nhài	01/04/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
26	CKI212	Nguyễn Thị Thanh Nhân	17/07/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
27	CKI213	Triệu Thị Nhị	07/03/1994	Nhi khoa	Nhi khoa			
28	CKI214	Nguyễn Thị Nhu	14/10/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI215	Bùi Thị Hồng Nhung	29/11/1999	Nội khoa	Nội khoa			
30	CKI216	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/04/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
31	CKI217	Đoàn Văn Ninh	04/02/1981	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 08 (Giảng đường YGDA209)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI218	Lê Văn	Ninh	31/01/1992	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
2	CKI219	Nguyễn Thị	Oanh	10/07/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
3	CKI220	Tòng Văn	Ốn	02/03/1982	Tâm thần	Tâm thần			
4	CKI221	Trần Văn	Phi	07/02/1969	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
5	CKI222	Lê Văn	Phong	10/06/1986	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
6	CKI223	Nguyễn Văn	Phóng	20/10/1993	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
7	CKI224	Đào Mạnh	Phương	17/11/1989	Ung thư	Ung thư			
8	CKI225	Hoàng Thị Thu	Phương	04/08/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI226	Nguyễn Thị	Phương	25/08/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
10	CKI227	Nịnh Thị	Phương	27/08/1987	Tâm thần	Tâm thần			
11	CKI228	Phạm Thị	Phương	30/04/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
12	CKI229	Phạm Thị Minh	Phương	19/10/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
13	CKI230	Trần Thị	Phương	05/11/1990	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
14	CKI231	Nguyễn Vũ	Quang	19/12/1989	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
15	CKI232	Tạ Thị	Quang	13/10/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
16	CKI233	Trần Lê	Quyên	09/11/1990	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
17	CKI234	Ngô Ngọc	Quyên	20/08/1993	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
18	CKI235	Nguyễn Thị	Quyên	02/02/1979	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
19	CKI236	Trần Mạnh	Quyên	09/03/1990	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
20	CKI237	Nguyễn Đăng	Quyết	20/04/1992	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
21	CKI238	Nguyễn Đình	Quyết	24/11/1992	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
22	CKI239	Lê Xuân	Quỳnh	05/01/1984	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
23	CKI240	Nguyễn Hương	Quỳnh	25/05/1990	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
24	CKI241	Nông Thị	Quỳnh	08/12/1989	Nhi khoa	Nhi khoa			
25	CKI242	Hồ Thị	Sa	10/11/1990	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
26	CKI243	Đặng Văn	Sáng	09/04/1977	Nội khoa	Nội khoa			
27	CKI244	Viên Hồng	Sáng	08/05/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
28	CKI245	Nguyễn Ngọc	Sích	19/05/1976	Nhãn khoa	Nhãn khoa			
29	CKI246	Hàng A	Sinh	04/06/1984	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
30	CKI247	Giảng A	Sở	02/06/1982	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
31	CKI248	Bùi Thanh	Son	11/11/1984	Nhãn khoa	Nhãn khoa			

Ấn định: 31 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất

(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 09 (Giảng đường YGDA210)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI249	Phạm Yên Sơn	12/02/1990	Nhân khoa	Nhân khoa			
2	CKI250	Phạm Văn Sự	12/02/1978	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
3	CKI251	Vũ Thị Tắc	14/04/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI252	Hoàng Thị Hồng Tâm	03/10/1993	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
5	CKI253	Nguyễn Minh Tâm	12/09/1984	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
6	CKI254	Nguyễn Thị Tâm	05/09/1991	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
7	CKI255	Đào Danh Tân	31/05/1972	Tâm thần	Tâm thần			
8	CKI256	Phan Minh Thạch	10/05/1989	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
9	CKI257	Dương Thị Thái	20/10/1980	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
10	CKI258	Đỗ Xuân Thái	06/02/1995	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
11	CKI259	Hoàng Xuân Thái	18/04/1991	Tâm thần	Tâm thần			
12	CKI260	Nguyễn Việt Thanh	10/11/1975	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
13	CKI261	Trần Thị Phương Thanh	12/10/1982	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
14	CKI262	Nguyễn Thị Thao	08/11/1991	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
15	CKI263	Dương Thị Phương Thảo	23/12/1998	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
16	CKI264	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/12/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
17	CKI265	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/09/1974	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
18	CKI266	Trần Thị Phương Thảo	22/10/1999	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
19	CKI267	Trương Thị Phương Thảo	30/06/1994	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
20	CKI268	Vũ Thị Thảo	25/05/1981	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
21	CKI269	Nguyễn Thị Thắm	28/07/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
22	CKI270	Lương Quyết Thắng	02/10/1981	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
23	CKI271	Lưu Quang Thế	20/01/1997	Ung thư	Ung thư			
24	CKI272	Nguyễn Thị Thanh Thế	04/01/1976	Y học gia đình	Nội khoa_YHGD			
25	CKI273	Nguyễn Hải Thịnh	09/12/1989	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
26	CKI274	Vì Thị Thoa	06/04/1990	Tâm thần	Tâm thần			
27	CKI275	Nguyễn Hương Thơm	28/05/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
28	CKI276	Nông Thị Thơm	15/08/1998	Nhân khoa	Nhân khoa			
29	CKI277	Nguyễn Thị Thu	07/03/1990	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
30	CKI278	Nguyễn Thị Thu	14/11/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			

Ấn định: 30 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 10 (Giảng đường YGDA311)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI279	Bùi Quang Thuận	08/10/1988	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
2	CKI280	Hoàng Thị Thủy	02/10/1989	Nội khoa	Nội khoa			
3	CKI281	Nguyễn Thị Thủy	24/12/1993	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
4	CKI282	Chu Công Thủy	26/10/1999	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
5	CKI283	Lý Vũ Thủy	15/07/1996	Nhân khoa	Nhân khoa			
6	CKI284	Nguyễn Thanh Thủy	01/09/1990	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
7	CKI285	Nguyễn Thị Thủy	20/11/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
8	CKI286	Nguyễn Thị Thủy	18/05/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
9	CKI287	Vũ Thị Thủy	01/06/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
10	CKI288	Đinh Diệu Thúy	25/05/1982	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
11	CKI289	Nguyễn Thị Thúy	11/06/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
12	CKI290	Nguyễn Thị Thúy	12/05/1991	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức			
13	CKI291	Nguyễn Thị Thuyền	06/07/1981	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
14	CKI292	Nguyễn Ngọc Thực	29/01/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
15	CKI293	Nguyễn Thị Thương	23/08/1988	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
16	CKI294	Bùi Thị Tiên	14/11/1995	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
17	CKI295	Cam Thị Thủy Tiên	06/05/1996	Nhân khoa	Nhân khoa			
18	CKI296	Lê Trọng Tiến	04/03/1969	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
19	CKI297	Vũ Duy Tinh	20/05/1987	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
20	CKI298	Phan Đức Tính	27/02/1986	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
21	CKI299	Đỗ Khắc Toàn	24/10/1990	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
22	CKI300	Nguyễn Đình Toàn	02/11/1987	Tâm thần	Tâm thần			
23	CKI301	Lương Thị Ton	14/09/1978	Tâm thần	Tâm thần			
24	CKI302	Bàn Kiều Trang	11/08/1993	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
25	CKI303	Chu Thị Thu Trang	16/09/1984	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
26	CKI304	Lê Thị Trang	05/06/1997	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
27	CKI305	Lương Thu Trang	04/11/1989	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
28	CKI306	Nguyễn Thị Như Trang	30/09/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI307	Vũ Thị Hà Trang	01/09/1995	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
30	CKI308	Lê Văn Trăm	18/02/1982	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			

Ấn định: 30 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Buổi thi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

PHÒNG THI SỐ: 11 (Giảng đường YGDA312)

MÔN THI: CHUYÊN NGÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn chuyên ngành	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	CKI309	Bùi Minh Trí	23/07/1993	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
2	CKI310	La Bá Trình	10/02/1989	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
3	CKI311	Lê Thị Kim Trọng	18/12/1988	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
4	CKI312	Nguyễn Văn Trọng	09/06/1989	Ngoại khoa	Ngoại khoa			
5	CKI313	Nguyễn Thành Trung	14/03/1995	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng			
6	CKI314	Vì Văn Trung	25/09/1995	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
7	CKI315	Nguyễn Kiên Trường	22/07/1981	Tâm thần	Tâm thần			
8	CKI316	Nguyễn Xuân Trường	28/02/1992	Tai mũi họng	Tai Mũi Họng			
9	CKI317	Triệu Văn Tú	30/01/1989	Ung thư	Ung thư			
10	CKI318	Hà Anh Tuấn	21/02/1987	Nhãn khoa	Nhãn khoa			
11	CKI319	Hoàng Đức Tuấn	08/10/1993	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền			
12	CKI320	Lê Đức Tuấn	28/03/1986	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
13	CKI321	Triệu Quý Tuấn	19/04/1991	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
14	CKI322	Trần Thị Tuyển	19/05/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
15	CKI323	Chu Thị Tuyển	27/10/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
16	CKI324	Nguyễn Thị Tuyển	02/05/1994	Răng hàm mặt	Răng Hàm Mặt			
17	CKI325	Ma Thị Tuyết	29/04/1988	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược lâm sàng			
18	CKI326	Đàm Thanh Từ	15/05/1987	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh			
19	CKI327	Dương Thảo Uyên	11/12/1992	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
20	CKI328	Đặng Thị Vân	16/01/1997	Xét nghiệm y học	Xét nghiệm y học			
21	CKI329	Hoàng Thị Vân	27/01/1991	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa			
22	CKI330	Nguyễn Thị Vân	25/09/1984	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
23	CKI331	Chu Văn Việt	25/10/1989	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
24	CKI332	Nguyễn Trọng Việt	03/12/1977	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
25	CKI333	Phùng Quốc Việt	10/01/1990	Nội khoa	Nội khoa			
26	CKI334	Trần Thị Vinh	21/02/1987	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
27	CKI335	Đỗ Thị Xâm	18/05/1985	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
28	CKI336	Nguyễn Thị Yên	24/03/1995	Điều dưỡng	Điều dưỡng			
29	CKI337	Nguyễn Thị Hải Yên	02/10/1982	Nội khoa	Nội khoa			
30	CKI338	Nguyễn Thị Kim Yên	11/12/1991	Điều dưỡng	Điều dưỡng			

Ấn định: 30 thí sinh./.

Tổng số bài thi:..... Tổng số tờ giấy thi:..... Số TS vi phạm quy chế:.....

CBCT thứ nhất
(Ký và ghi rõ họ tên)

CBCT thứ hai
(Ký và ghi rõ họ tên)